

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Q- Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2017).

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn A (người khởi kiện).

Có mặt tại phiên tòa: Ông Nguyễn A, luật sư Nguyễn Thị H1; Ông Nguyễn C; Ông Trần Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hộ gia đình ông Nguyễn A là một trong các hộ dân bị thu hồi toàn bộ đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án xây dựng Trung tâm thương mại liền kề Chợ tại phường X, thành phố H. Tại Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 28/10/2010; Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 21/9/2012, Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 23/01/2013, Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 26/4/2013 và Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 12/6/2014, Ủy ban nhân dân thành phố H đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 96,4m² đất của hộ gia đình tại thửa 12 tờ số 1 bản đồ GPMB, bao gồm :

+ 32,9 m² đất (thuộc thửa 245 tờ bản đồ địa chính số 109 đăng ký tên chủ sử dụng đất là Nguyễn A): được bồi thường;

+ 10,97m² đất (thuộc thửa 231 tờ bản đồ địa chính số 109 là đất giao thông): không được bồi thường về đất;

+ 52,53m² đất (thuộc thửa 340 tờ bản đồ địa chính số 109 là đất hồ do UBND phường quản lý): không được bồi thường về đất, được hỗ trợ công tôn tạo 3.189.926 đồng cho 26,53m² đất; còn 26m² không được bồi thường, hỗ trợ; được bồi thường 30% giá trị móng nhà công trình kiến trúc trên đất.

Tổng số tiền gia đình ông A được bồi thường, hỗ trợ (di chuyển chỗ ở, ổn định đời sống, thuê nhà ở tạm...) là 471.378.997 đồng và được bố trí 1 lô đất tái định cư.

Ông Nguyễn A khiếu nại yêu cầu bồi thường đối với phần đất có diện tích 52,53m².

Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 “*Về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn A*”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H không chấp nhận đơn khiếu nại. Ông A tiếp tục có đơn khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần 2.

Tại Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 08/9/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “*Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn A, trú tại tổ 4, khu 9A, phường X, thành phố Quảng Ninh*” (sau đây viết tắt là Quyết định 2633/QĐ-UBND) nội dung:

“Điều 1: Đồng ý với Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn A (...) liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng khi trung tâm thương mại kết hợp với chợ truyền thống phường X, thành phố H.

Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn A về đề nghị được bồi thường 52,53m² đất tại thửa số 340 tờ bản đồ địa chính số 109 do nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Vĩ và đề nghị được bồi thường 100% giá trị công trình kiến trúc trên phần diện tích đất trên”.

- Ngày 28/6/2016, ông A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2633/QĐ-UBND giải quyết về thửa đất số 340 bị thu hồi với lý do: nguồn gốc 52,53m² đất là do năm 2001 ông mua móng nhà trên đất (nằm sau đất của gia đình ông) của ông Võ Quang M (con bà Trần Thị V), đất do hộ gia đình bà V lấn biển tôn tạo thêm trong quá trình sử dụng đất từ 1989. Hai bên có lập “Giấy nhượng móng nhà”, ông M đưa cho ông Biên lai nộp tiền phạt số 00758 ngày 30/11/1994. Sau đó, ông phải gia cố thêm cọc tre sử dụng vì là đất biển bùn lầy và đã xây nhà mái bằng cấp 4 trên móng nhà, sử dụng đến khi bị thu hồi. Phần đất này gia đình ông không được bồi thường về đất; chỉ được hỗ trợ không đúng quy định. Ông A cho rằng các thửa đất liền kề nhau bên bờ biển, có cùng mục đích sử dụng thực tế và cùng mục đích sử dụng theo quy hoạch nhưng lại được đền bù khác nhau là không đúng. Căn cứ khoản 1,2,3 Điều 12, điểm a, b, c khoản 1 Điều 56 Luật Đất đai năm 2003; điểm a, b khoản 2 Điều 3; khoản 3 Điều 47 Nghị định số 84/NĐ-CP; Luật đất đai 2013 và Quyết định số 4166/2009/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, ông đề nghị được bồi thường về đất và phần kiến trúc đã xây dựng trên đất.

- Người bị kiện trình bày:

Về nguồn gốc đất và việc thực hiện đo đạc quản lý đất đai:

Khoảng năm 1994, ông A có tôn tạo, lấn biển và dựng nhà ở, năm 1998 đo đạc bản đồ địa chính phần đất có diện tích 60,7m² mang số thửa 245, tờ bản đồ số 109. Năm 2001, ông A chuyển nhượng 27,8m² cho bà Trần Thị H, còn lại 32,9m². Phía mặt đường, ông A còn sử dụng 10,97m² làm mái hiên và bậc thêm nhà, thuộc thửa 231 tờ bản đồ số 109 là đất giao thông do Ủy ban nhân phường quản lý.

Năm 2001, ông A nhận chuyển nhượng lại một phần đất kèm theo móng nhà của bà Trần Thị V (có giấy viết tay đề ngày 08/8/2001) với giá 5 triệu đồng, không ghi diện tích đất mà chỉ ghi dài 5,5m tính từ mép nhà ông A. Nguồn gốc đất do bà V tôn tạo lấn đất hồ (thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân phường). Năm 1994 ông M làm móng nhà và bị xử phạt về hành vi lấn đất và xây dựng không phép. Sau khi nhận chuyển nhượng móng nhà từ ông M, ông A tiếp tục xây nhà cấp 4, sử dụng đến thời điểm thu hồi. Qua đo đạc đất nhận chuyển nhượng của bà V, ông M có diện tích 52.53m² thuộc thửa 340 tổng diện tích 3.021,4m² tờ bản đồ số 109, là đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân phường.

Về việc giải quyết quyền lợi của hộ gia đình ông A đối với 52,53m² đất:

Do đất có nguồn gốc tự tôn tạo trên đất hồ, khi xây dựng móng nhà ông M

đã bị cơ quan chức năng xử phạt ngày 30/11/1994. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 7 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, điểm d, khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; khoản 1 và điểm d, khoản 3 Điều 6 Quy định kèm theo Quyết định số 499/2010/QĐ-UBND ngày 11/2/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, hộ gia đình không đủ điều kiện để được bồi thường về đất.

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, biên bản xác định ranh mốc giới giải phóng mặt bằng, Bản chứng nhận nhà đất ngày 19/4/2007, báo cáo của Ủy ban nhân dân phường, hồ sơ tài liệu liên quan đến thửa đất, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp và phần đất không đủ điều kiện để được bồi thường theo đúng quy định.

Do đó, Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn A đã không chấp nhận khiếu nại (lần 1) của ông A là có cơ sở. Sau khi xem xét khiếu nại đơn khiếu nại (lần 2) của ông A theo trình tự, thủ tục quy định, xét thấy không có cơ sở chấp nhận, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 08/9/2015, không chấp nhận đơn của ông A là đúng. Người bị kiện đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc hủy Quyết định này.

- UBND thành phố H trình bày:

Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, chuyển nhượng, đo đạc bản đồ, căn cứ lập hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi 96,4m² đất gia đình ông A sử dụng phục vụ xây dựng Trung tâm thương mại kết hợp chợ truyền thống tại phường X, thành phố H như lời trình bày của người bị kiện. Xác định phương án bồi thường đối với 52,53m² đất thuộc thửa đất số 340 tờ bản đồ 109 (là đất hồ do Ủy ban nhân dân phường quản lý) của Ủy ban nhân dân thành phố H là đúng quy định. Sau khi nhận được phương án bồi thường, ông A đã khiếu nại và tại Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2633/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã không chấp nhận đơn khiếu nại của ông A là có căn cứ. Ủy ban nhân dân thành phố H đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HCST ngày 23/3/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định: *Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn A, trú tại: Tổ 4, khu 9A, phường X, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh”.*

Bản án còn có quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/4/2017, ông Nguyễn A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu được bồi thường về đất và tài sản trên 52,53m² đất có nguồn gốc mua móng nhà của bà V theo quy định tại khoản 1,2,3 Điều 12; Điều 56 khoản 1 Luật đất đai 2003; Điều 3 khoản 2, Điều 47 Nghị định 84/2007/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Quyết định số 4166/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Gia đình vẫn chưa nhận được tiền hỗ trợ đối với 26,53m² đất, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận đơn khởi kiện.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; người khởi kiện và người bị kiện không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn A trình bày giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 08/9/2015.

Luật sư Nguyễn Thị H1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông A với lý do: Thời điểm sử dụng đất của ông A được xác định là trước ngày 15/10/1993 do bà V đã cải tạo sử dụng từ trước thời điểm này; UBND thành phố H không đo đạc lập bản đồ địa chính năm 1998 đúng theo nguồn gốc thực tế nêu trên; UBND thành phố H chỉ căn cứ biên lai thu tiền phạt ngày 30/11/1994 để xác định hành vi vi phạm là không thực hiện đúng quy định tại Điều 21 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; việc xử phạt phải có biên bản, chưa xác định vi phạm là ở đâu...Đề nghị xác định đất gia đình ông A nhận chuyển nhượng của bà V (trên có móng nhà) đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định tại khoản 5 Điều 4, khoản 1, 2 Điều 7 Quyết định 499/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ninh, nên khi thu hồi đất gia đình đủ điều kiện được bồi thường về đất và tài sản trên đất theo quy định tại khoản 4 Điều 94 Nghị định 84/2007/NĐ-CP.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố H trình bày: 52,53m² đất bà V sử dụng làm móng nhà là đất lấn chiếm đất hồ do UBND phường quản lý, đã bị xử phạt nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất. Gia đình không đến nhận tiền hỗ trợ đối với 26,53m² đất mặc dù UBND thành phố đã có giấy mời chứ không phải UBND không trả. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của

Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đảm bảo đúng quy định.

Về tính hợp pháp về nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 52,53 m² đất thu hồi: Ông A sử dụng đất này do mua móng nhà của bà V vào năm 2001, nhưng là đất do gia đình bà V lấn hồ và đã bị xử phạt từ 1994. Năm 1998, cả bà V, ông A đều không kê khai đăng ký quyền sử dụng phần đất này; hồ sơ đo đạc địa chính cùng thời điểm đã thể hiện đất này thuộc đất hồ thửa 340 tờ bản đồ 109 thuộc quyền quản lý của UBND phường. Căn cứ Điều 7 Nghị định 197/2004/NĐ-CP, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã không lập phương án bồi thường về đất là có cơ sở. Công trình xây dựng trên đất lấn chiếm đã bị xử phạt nên cũng không đủ điều kiện được bồi thường 100%. Do đó, Quyết định 868/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố H và Quyết định 2633/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã không chấp nhận khiếu nại của ông A là có cơ sở. Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu của ông A về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại hành chính là đúng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Nguyễn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn A không đồng ý với quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình đối với 52,53m² đất và đã khiếu nại. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 2633/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (bác đơn khiếu nại), ngày 18/5/2016 ông A có đơn khởi kiện Quyết định số 2633/QĐ-UBND là còn trong thời hiệu. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý ngày 15/7/2017 là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Bản án sơ thẩm đã có đánh giá về tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính bị kiện theo đúng quy định của luật tổ tụng hành chính.

[2] Về kháng cáo của ông Nguyễn A (kháng cáo về nội dung có căn cứ của quyết định hành chính):

- Phần đất giáp mặt đường, ông A kê khai đăng ký quyền sử dụng năm 1998, thuộc thửa đất số 245, đã được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, được bồi thường về đất, tài sản trên đất. Phần đất có móng nhà nằm phía sau phần đất này (giáp hồ), theo ông A, là do năm 2001 ông mua móng nhà trên đất của gia đình cụ V; Ông M (con cụ V), không có giấy tờ gì về đất mà chỉ có “Biên lai thu tiền phạt” đề ngày 30/11/1994 có ghi lý do “*Phạt xây lấn phía sau*

nhà cũ không giấy phép” để đưa cho ông. Biên lai này không thể hiện diện tích, vị trí đất xây dựng móng nhà;

- Ông A cho rằng móng nhà nằm trên đất gia đình cụ V khai hoang lần đầu tiên từ 1989, nhưng ông không có tài liệu chứng minh việc này. Năm 1998, Ủy ban nhân dân phường X tổ chức đo đạc lập bản đồ địa chính hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình trong khu vực, thì ông A chỉ kê khai phần đất đang sử dụng thửa 245, thể hiện trong “*Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và giao nhận diện tích theo hiện trạng sử dụng*” đề ngày 21/4/1998 (Bút lục số 267, có chữ ký ông A), phía sau thửa đất 245 là “Đất trống”. Cùng thời điểm này, gia đình cụ V, ông M (cũng sử dụng đất ở khu vực này) cũng kê khai đăng ký quyền sử dụng ở vị trí đất khác, phần đất hai bên cho rằng đã xây móng nhà năm 1994 sau nhà ông A, không kê khai đăng ký. Bản đồ địa chính đo vẽ tháng 6 năm 1998 (Bút lục số 336), thì phía sau thửa 245 của ông A là thửa đất số 340 (tổng diện tích 3021,4m² ký hiệu đất “Hồ”), thuộc quyền quản lý của UBND phường X. Do đó, không đủ cơ sở xác định móng nhà do ông M bán cho ông A là được xây dựng trên đất gia đình bà V khai phá từ 1989; gia đình bà cũng không kê khai nên không đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng do có nguồn gốc sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993, như quan điểm của ông A và luật sư bảo vệ quyền lợi nêu.

Do đó, cùng một diện tích đất thực tế ông A sử dụng 94,6m² bị thu hồi nhưng có 3 phần đất khác nhau, trong đó chỉ có 32,9m² đất thuộc thửa 245 có nguồn gốc gia đình ông A sử dụng hợp pháp, khi nhà nước thu hồi được đền bù về đất. Phần còn lại bao gồm 10,97m² đất phía trước nhà, sử dụng làm mái hiên và bậc thềm là đất giao thông do Ủy ban nhân dân phường quản lý; phần đất phía sau có móng nhà nhưng lại làm trên đất hồ (thửa 340) thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân phường X, khi xây dựng móng nhà đã bị xử phạt, nên không thuộc đối tượng được bồi thường về đất cũng như tài sản trên đất giống như việc đền bù đối với thửa đất số 245 được. Ông A cho rằng phải được đền bù như nhau là không có cơ sở.

- Về việc giải quyết quyền lợi của ông A khi thu hồi 52,53m² đất thuộc thửa 340 từ bản đồ 109:

Theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ “Về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất” quy định điều kiện được bồi thường về đất là phải có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ “Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai” quy định “*Bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất:*

1...d) Trường hợp đất đang sử dụng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này (...) thì người sử dụng đất không được bồi thường về đất;...”. Điểm d khoản 4 Điều 14 Nghị định nêu trên quy định “Lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích công cộng, đất chuyên dùng, đất của tổ chức, đất chưa sử dụng và các trường hợp vi phạm khác đã có văn bản ngăn chặn nhưng người sử dụng đất vẫn cố tình vi phạm”.

Tại khoản 3 Điều 6 Quy định kèm theo Quyết định số 499/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “*Những trường hợp thu hồi đất không được bồi thường: ...đ) Đất bị lấn, chiếm trong các trường hợp sau đây: đ1) Đất chưa sử dụng bị lấn, chiếm:*”; tại điểm c, khoản 2, Điều 28 quy định: “*Nhà, công trình xây dựng khác không được phép xây dựng nhưng đã xây dựng trước ngày 01/7/2004 trên đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 4 bản quy định này mà khi xây dựng đã vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố và cấm mốc hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấm mốc thì không được bồi thường nhưng được hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường quy định tại Điều 26, Điều 27 của bản quy định này nếu không bị cơ quan có thẩm quyền từ cấp xã trở lên lập biên bản vi phạm*”. Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố H xác định ông A không đủ điều kiện được bồi thường về đất đối với 53,52m² đất thuộc thửa 340; chỉ hỗ trợ công tôn tạo 26,53m², được hỗ trợ 30% giá trị công trình xây dựng trên đất là đúng quy định nêu trên. Ông A và luật sư yêu cầu được bồi thường về đất và 100% tài sản trên đất là không có cơ sở chấp nhận. UBND thành phố H đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đúng quy định nên Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh không chấp nhận khiếu nại của ông A, là đúng.

Đơn kháng cáo ông A cho rằng chưa nhận tiền hỗ trợ đối với 26,53m² đất, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao nhận tiền không thuộc phạm vi giải quyết vụ án này. Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Q (Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H) xác nhận đã có giấy mời ông A nhưng ông không đến nhận.

Kháng cáo của ông A yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại không được cấp phúc thẩm chấp nhận, ông phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn A. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 03/2017/HCST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn A phải chịu 200.000 đồng, được

trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 200.000 đồng tại Biên lai số 0000077 ngày 15/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn A phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ số tiền tạm ứng đã nộp tại biên lai số AC/2016/0000520 ngày 11/4/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/3/2018.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân Hương

